

Số: 10/BC-CT

Sơn Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương

Kỳ báo cáo: Năm 2023

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương báo cáo đánh giá tình hình tài chính năm 2023 như sau:

1/Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên công ty: Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương
- Địa chỉ: Số 94, tổ dân phố Đăng Châu, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang
- Mã số thuế : 5000128048
- Vốn điều lệ của Công ty: 33.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ Việt Nam đồng).
- Phần vốn góp và tỷ lệ vốn góp của các thành viên:

Stt	Họ và tên thành viên	Vốn góp	
		Tổng giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp %
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang	24.750.000.000	75
2	Công ty cổ phần Giấy An Hòa Tuyên Quang	8.250.000.000	25

- Hội đồng thành viên: 02 người.
- Kiểm soát viên: 02 người.
- Ban điều hành: 02 người (01 giám đốc, 01 phó giám đốc).
- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hồng Thái chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc Công ty.
- Ngành nghề kinh doanh: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ (có nguồn gốc hợp pháp); Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Bán buôn tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (có nguồn gốc hợp pháp, trừ các loại gỗ nhà nước cấm); Tư vấn quản lý dự án, lập dự án đầu tư, lập dự toán công trình lâm sinh (trồng,

chăm sóc, bảo vệ rừng) (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật); Cưa, xẻ và bào gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu chi tiết: chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất nông – lâm nghiệp.

2/ Thông tin về người đại diện.

- Đại diện phần vốn nhà nước: Ông Nguyễn Hồng Thái.
- Đại diện phần vốn Công ty Giấy An Hòa Tuyên Quang: Ông: Nguyễn Văn Anh.

3/ Việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn.

- Vốn chủ sở hữu: 33.000 triệu đồng
- Tổng tài sản: 46.816,2 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 582.88 triệu đồng.
- Hiệu quả sử dụng vốn:
 - + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là: 1,74%
 - + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là 1,25%

4/ Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

a) Tình hình đầu tư dự án: Trồng, chăm sóc năm 1: 3.125 triệu đồng; chăm sóc năm 2: 900 triệu đồng; chăm sóc năm 3: 1.430 triệu đồng; bảo vệ rừng: 4.062 triệu đồng.

b) Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Năm 2023 Công ty không đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Năm 2023 là năm khó khăn về tài chính do ảnh hưởng hưởng sau dịch Covid-19, khủng hoảng xung đột Nga – Ukraina, chiến sự trung đông nền kinh tế thế giới suy thoái, lạm phát, làm cho chi phí đầu vào tăng cao. Ngoài ra thời tiết có những diễn biến phức tạp, bệnh héo lá ở cây Keo, bệnh khô lá ở cây Bạch đàn... Giá gỗ trên thị trường giảm mạnh. Công ty huy động vốn của các hộ liên doanh và sử dụng vốn tự có để sản xuất kinh doanh đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Lũy kế vốn vay đến thời điểm 31/12/2022 Công ty vay của các tổ chức tín dụng, cá nhân là: 2.700 triệu đồng;

d) Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

- Đối với việc đầu tư mua sắm tài sản: Các bộ phận phòng ban, đội sản xuất trên cơ sở thực tế của đơn vị khi cần sửa chữa nhà cửa mua sắm trang thiết bị, đơn vị báo cáo Giám đốc được sự nhất trí của Giám đốc các phòng ban khảo sát để lập dự trù kinh phí trình duyệt sau đó đơn vị thực hiện việc mua sắm trang thiết bị. số tiền mua là 44.218.000 đồng.

- Việc trích khấu tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Tổng số khấu hao năm 2023 là: 610.357.316 đồng.

+ Tình hình xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất: Khi kiểm kê đánh giá Công ty thành lập hội đồng để xử lý và ra quyết định xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất. Trong kỳ Công ty đã xử lý: 243.747.486 đồng

- Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ gửi đến các đơn vị liên quan theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ trở lên. Định kỳ Công ty phân loại các khoản nợ từ đó có biện pháp xử lý thu hồi triệt để. Hạch toán, mở sổ sách kế toán theo dõi công nợ chi tiết đến từng đối tượng nợ, thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, việc đối chiếu, ký xác nhận nợ phải thu, phải trả chưa đầy đủ theo quy định.

Đến thời điểm công nợ phải thu là 5.170 triệu đồng; nợ phải trả là 13.366 triệu đồng; Công ty không có nợ quá hạn. Khả năng thanh toán nợ là 3,5 lần; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,41 lần.

e) Tình hình luân chuyển tiền tệ của doanh nghiệp

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ là: 163.469.662 đồng;
- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Thu 29.120.640.131 đồng và chi ra là 29.047.645.091 đồng.
- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động sản xuất kinh doanh là 72.995.040 đồng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động đầu tư trong năm: Thu 794.056 đồng, chi ra 0 đồng
- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động đầu tư trong đầu là 794.056 đồng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong năm thu là 2.700 triệu đồng.
- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong năm chi ra là 2.480 triệu đồng
- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động tài chính trong năm là 220 triệu đồng.

* Cân đối dòng tiền trong năm: $163.469.662 + 296.789.096 = 457.258.662$ đồng

* *Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong năm 2024:* Dòng tiền lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp nhưng không cao, do doanh thu và tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh chỉ vừa đủ cho chi phí sản xuất kinh doanh số dư lưu chuyển tiền từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thấp.

5/ Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về doanh thu: 30.338,03 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 728,60 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 582,88 triệu đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 1,74%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 1,25%
- Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2023 nộp ngân sách nhà nước: 1.053.243.694 đồng.

Trong đó:

- + Thuế GTGT: 61.583.910 đồng
- + Thuế TNDN: 0 đồng (đang nộp thừa)
- + Thuế thu nhập cá nhân: 13.712.330 đồng
- + Tiền thuê đất: 974.947.454 đồng
- + Thuế môn bài: 3.000.000 đồng

6. Lợi nhuận được chia trong năm báo cáo.

Lợi nhuận sau khi nộp thuế chia cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 582.880.673 đồng.
- + Phần vốn nhà nước: 437.160.505 đồng.
- + Công ty cổ phần giấy An Hòa Tuyên Quang: 145.720.168 đồng.

7/ Vướng mắc khó khăn của doanh nghiệp

- Trong năm qua, do ảnh hưởng sau dịch Covid-19, khủng hoảng xung đột Nga – Ukraina, chiến sự trung đông, nền kinh tế thế giới suy thoái, lạm phát, thời tiết có những diễn biến phức tạp, bệnh héo lá ở cây Keo, bệnh khô lá ở cây Bạch đàn... Giá gỗ trên thị trường giảm mạnh, tiêu thụ chậm, tình trạng lấn chiếm đất lâm nghiệp chưa được giải quyết triệt để, nên đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp và đời sống, thu nhập của cán bộ, công nhân lao động trong Công ty. Tuy nhiên Công ty đã tập chung hết mọi nguồn lực để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao.

- Trong những năm gần đây do diễn biến phức tạp của bệnh trên cây trồng và bão gây làm giảm chất lượng rừng trồng dẫn đến sản lượng khai thác m³/ha thấp, sản xuất kinh doanh hiệu quả đạt được chưa cao, vì vậy nếu không khai thác tận thu diện tích rừng bị sâu bệnh, bão gây sớm sẽ làm mất vốn rừng (Năm 2023 ra Quyết định sử lý rừng sâu bệnh, kém chất lượng mất trắng 27,9 ha, khai thác tận thu rừng kém chất lượng: 81,9ha)

8/ Kiến nghị

- Đề nghị UBND các cấp, các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuyên truyền luật lâm nghiệp và phối hợp trong việc giải quyết tranh chấp đất đai, chặt phá rừng trồng. Trồng rừng sản xuất mang tính chất đặc thù phục vụ lợi ích an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc, diện tích đất trồng rừng chủ yếu ở vùng sâu xa có đồng bào dân tộc sinh sống liên doanh với Công ty, do vậy lợi nhuận của Công ty không cao nếu phải nộp tiền thuê đất hàng năm Công ty sẽ lỗ. Vì vậy Công ty đề nghị BND tỉnh có ý kiến với các ngành và trung ương miễn tiền thuê đất cho Công ty. Để Công ty hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao năm 2024.

9/ Kết luận:

- Công ty luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của các Sở ban ngành tỉnh Tuyên Quang, Huyện Ủy, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, đồng thời nhận được sự phối hợp chặt chẽ giữa Công ty với UBND các xã Thị trấn trên địa bàn huyện Sơn Dương.

- Cùng với sự cố gắng, phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, chủ động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nên đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với người lao động, bảo toàn được vốn Nhà nước giao quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng. Xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính Tuyên Quang(B/cáo);
- Website Công ty;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Thái

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	[1]	[2]	Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm N-2	Cùng kỳ năm N-1	Kế hoạch năm
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	20.762,87	20.600,00	25.000,00	24.130,23	116,22	117,14	96,52
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	20.762,87	20.600,00	25.000,00	24.130,23	116,22	117,14	96,52
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.405,42	35.098,55	28.300,00	29.050,94	114,35	82,77	102,65
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.405,42	35.098,55	28.300,00	29.050,94	114,35	82,77	102,65
4. Giá vốn hàng bán	22.768,16	30.513,91	23.571,76	25.268,74	110,98	82,81	107,20
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.637,25	4.584,64	4.728,24	3.782,20	143,41	82,50	79,99
6. Doanh thu hoạt động tài chính	45,81	36,29		0,79	1,72	2,18	
7. Chi phí tài chính				196,42			
8. Chi phí bán hàng							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.618,67	4.056,68	4.000,00	3.624,70	100,17	89,35	90,62

Nội dung	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	[1]	[2]	Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(935,61)	564,25	728,24	(38,13)	4,08	67,58	-5,24
11. Thu nhập khác	241,97	149,68		1.286,30	531,59	859,36	
12. Chi phí khác	0,38	3,94		519,57	137.828,68	13.189,17	
13. Lợi nhuận khác	241,59	145,74		766,73	317,36	526,09	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(694,02)	709,99	728,24	728,60	1.049,83	102,62	100,05
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		142,79	145,65	145,72		102,06	100,05
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(694,02)	567,20	582,59	582,88	839,87	102,76	100,05

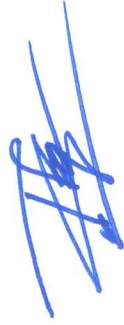
GHICHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liên kế năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Lập biểu



Lê Quang Hùng

Kế toán Trưởng



Nguyễn Trung Thành



Nguyễn Hồng Thái

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	(309.944.099)	1.332.663.666	1.053.243.694	(30.524.127)
- Thuế GTGT	10.494.024	68.420.624	61.583.910	17.330.738
- Thuế TNDN	(328.118.123)	145.720.168		(182.397.955)
- Thuế Xuất, nhập khẩu	0			0
- Thuế đất	0			0
- Các khoản thuế khác	0			0
2. Các khoản phải nộp khác	0			0
- Phí, lệ phí	0	3.000.000	3.000.000	0
- Các khoản phải nộp khác	0			0
+ Thuế TNCN	7.680.000	6.032.330	13.712.330	0
+ Thuế nhà đất, Tiền thuế đất		1.109.490.544	974.947.454	134.543.090
+ Các khoản khác				0
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	196.806.165	253.283.386		450.089.551
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(890.843.002)	1.050.540.002	159.697.000	0
3. Quỹ thường VCQLDN				0
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng)

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu
(Ký)



Lê Quang Hùng

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Thành

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Hồng Thái

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu 05B

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương	1,8	1,8	100,00	A	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ

Ghi chú : Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ: Thực hiện tốt, Không thực hiện tốt và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Lập biểu



Lê Quang Hùng

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Thành

Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (01/01/2019)	Phát sinh		Giá trị đầu tư 30/6/20.. hoặc 31/12/20..	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)
			Tăng	Giảm				
I	2	3	4	5	6	7	8	(9)=(8)/(6)
A	Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác							
B	Đầu tư vào ngành nghề khác							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác	131,63						

GHICHÚ: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của công ty mẹ. Chỉ tiêu (8): Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp.

Lập biểu



Lê Quang Hùng

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Thành

Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu 06- Mẫu số 01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2023

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	33.196,80	33.450,09	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000,00	33.000,00	
2. Quỹ Đầu tư phát triển	196,80	450,09	
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
B. Tổng tài sản	39.606,04	46.816,20	
C. Lợi nhuận sau thuế	567,20	582,88	
D. Hiệu quả sử dụng vốn			
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH(ROA)	1,71	1,74	X
1. Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản(ROE)	1,43	1,25	X

Lập biểu



Lê Quang Hùng

Kế toán Trưởng



Nguyễn Trung Thành

Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2023

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	33.000tr.đ	tr.đ	tr.đ	33.000tr.đ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000tr.đ	tr.đ	tr.đ	33.000tr.đ
2. Quỹ Đầu tư phát triển	196,8tr.đ	253,21tr.đ	tr.đ	450,1tr.đ
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	tr.đ	tr.đ	tr.đ	tr.đ
B. Tổng tài sản	39.606,04tr.đ	7.210,16tr.đ	tr.đ	46.816,2tr.đ
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng).

- Quỹ đầu tư phát triển tăng do phân phối lợi nhuận sau thuế

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Lập biểu



Lê Quang Hùng

Kế toán Trưởng



Nguyễn Trung Thành

Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu 02 – Mẫu số 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

[Kỳ] Báo cáo: Năm 2023

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
A	Tập đoàn						
							
B	Tổng công ty						
							
C	Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương	30.338,03	582,88	1.053,24	X		

Kiến nghị của Chủ sở hữu:

Người lập biểu



Lê Quang Hùng

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Thành

Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

